

NGHỊ QUYẾT

**Thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp
tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ BẢY**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01 tháng 02 năm 2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Giáo dục nghề nghiệp;

Căn cứ Quyết định số 522/QĐ-TTg ngày 14 tháng 5 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 2239/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục nghề nghiệp giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Xét Tờ trình số 93/TTr-UBND ngày 28 tháng 6 năm 2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thái Nguyên về đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên đến năm 2025; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua Kế hoạch phát triển giáo dục nghề nghiệp tỉnh Thái Nguyên giai đoạn 2022 - 2025. Cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đến năm 2025 bảo đảm quy mô, cơ cấu ngành, nghề đào tạo phục vụ cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; nâng cao chất lượng đào tạo của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp thuộc tỉnh, trong đó một số nghề tiếp cận trình độ cấp quốc gia và các nước ASEAN-4; góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo đạt 75%, trong đó có bằng cấp, chứng chỉ đạt 32%.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2025

- a) Phân đầu thu hút 40% học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở và 45% học sinh tốt nghiệp trung học phổ thông vào hệ thống giáo dục nghề nghiệp; học sinh, sinh viên nữ đạt trên 30% trong tổng chỉ tiêu tuyển sinh mới;
- b) Đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho 25% lực lượng lao động;
- c) Tỷ lệ lao động là người dân tộc thiểu số qua đào tạo nghề nghiệp đạt 45%; củng cố, nâng cao năng lực đào tạo của cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt để đào tạo cho người dân tộc thiểu số học nội trú;
- d) Tỷ lệ lao động là người khuyết tật còn khả năng lao động được học nghề phù hợp đạt 35%;
- đ) Tỷ lệ lao động có các kỹ năng công nghệ thông tin đạt 80%;
- e) Ít nhất 30% cơ sở giáo dục nghề nghiệp và 50% chương trình đào tạo các ngành, nghề trọng điểm đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng;
- g) Phân đầu 100% nhà giáo đạt chuẩn; 80% cán bộ quản lý được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại. Phân đầu 80% ngành, nghề đào tạo được xây dựng, cập nhật chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia;
- h) Phân đầu 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt chất lượng cao, trong đó có những ngành, nghề trọng điểm và có năng lực cạnh tranh.

II. NHIỆM VỤ VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp

Tiếp tục thực hiện cơ chế, chính sách ưu đãi, thu hút các nhà đầu tư, doanh nghiệp, người sử dụng lao động tích cực tham gia hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề, chú trọng đào tạo nghề cho người lao động tại nơi làm việc; thu hút, tuyển dụng, phát triển đội ngũ nhân lực về giáo dục nghề nghiệp, chú trọng vùng đồng bào dân tộc thiểu số, vùng đặc biệt khó khăn, đồng thời bảo đảm yếu tố bình đẳng giới.

Xây dựng chính sách thu hút người học các trình độ giáo dục nghề nghiệp thuộc lĩnh vực, ngành, nghề trọng điểm, ngành nghề ưu tiên đào tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; chính sách đối với người học thuộc các đối tượng đặc thù.

Sắp xếp, tổ chức mạng lưới cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng mở, linh hoạt, hiện đại, dễ tiếp cận, đa dạng về loại hình, hình thức tổ chức; phân bổ hợp lý về cơ cấu ngành nghề, cơ cấu trình độ, đủ năng lực đáp ứng nhu cầu nhân lực qua đào tạo nghề nghiệp nhất là nhân lực chất lượng cao. Khuyến khích phát triển cơ sở giáo dục nghề nghiệp tư thực, có vốn đầu tư nước ngoài, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong doanh nghiệp, tăng cường công tác xã hội hóa giáo dục nghề nghiệp ở những địa bàn, ngành, nghề phù hợp. Đẩy mạnh phân luồng học sinh sau trung học cơ sở và trung học phổ thông vào giáo dục nghề nghiệp và từng bước phổ cập nghề cho thanh niên. Nâng cao trách nhiệm, tính tự chủ, phát huy vai trò

người đứng đầu trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ quan quản lý các cấp. Đổi mới công tác thanh tra, kiểm định, đánh giá và công nhận chất lượng giáo dục nghề nghiệp theo khung bảo đảm chất lượng giáo dục nghề nghiệp quốc gia; chương trình đào tạo thuộc các lĩnh vực, ngành, nghề đặc thù.

2. Đẩy nhanh chuyển đổi số, hiện đại hóa cơ sở vật chất, thiết bị và đổi mới chương trình, phương thức đào tạo

Nâng cao nhận thức và năng lực chuyển đổi số về giáo dục nghề nghiệp; phát triển đồng bộ hạ tầng số của các cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp ở cấp tỉnh, địa phương và các cơ sở giáo dục nghề nghiệp. Đồng bộ hệ thống cơ sở dữ liệu về giáo dục nghề nghiệp với hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành; ứng dụng hiệu quả các nền tảng số trong giáo dục nghề nghiệp; tăng cường gắn kết hoạt động đào tạo nghề nghiệp với doanh nghiệp; hướng ứng có hiệu quả mô hình “nhà trường thông minh, hiện đại”, “nhà trường xanh”; phát triển chương trình đào tạo theo hướng mở, linh hoạt, liên thông, triển khai chương trình đào tạo các ngành nghề mới, ngành nghề công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ mới, kỹ năng dành cho tương lai.

Ứng dụng mạnh mẽ công nghệ thông tin trong phương thức tổ chức đào tạo; chú trọng đào tạo lại, đào tạo thường xuyên cho người lao động, đào tạo cho lao động di cư; xây dựng và đổi mới các chương trình giáo dục nghề nghiệp; tham gia các hoạt động thí điểm, đáp ứng yêu cầu cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Đổi mới phương thức kiểm tra, đánh giá, công nhận kỹ năng, trình độ của người học, người lao động; triển khai chương trình giáo dục toàn diện, chú trọng đến phát triển phẩm chất, bình đẳng giới, hình thành các kỹ năng cốt lõi, kỹ năng mềm, kỹ năng số, trình độ ngoại ngữ và cá thể hóa người học.

3. Phát triển đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề và cán bộ quản lý trong giáo dục nghề nghiệp

Xây dựng và triển khai kế hoạch hằng năm về đào tạo, bồi dưỡng năng lực chuyên môn, năng lực sư phạm cho nhà giáo; đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cho nhà giáo; phát triển đội ngũ nghệ nhân, chuyên gia, người dạy nghề đủ năng lực tham gia đào tạo các trình độ của giáo dục nghề nghiệp; triển khai hiệu quả mạng lưới kết nối đội ngũ nhà giáo, nghệ nhân, chuyên gia và người dạy nghề trong giáo dục nghề nghiệp; chuẩn hóa cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo hướng chú trọng kỹ năng quản lý - quản trị hiện đại, đổi mới sáng tạo, kỹ năng số; định kỳ, thường xuyên cử cán bộ quản lý cơ sở giáo dục nghề nghiệp các cấp được đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp, phát triển đội ngũ cán bộ quản lý đào tạo tại doanh nghiệp.

4. Gắn kết chặt chẽ giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và thị trường lao động

Triển khai cơ chế hợp tác giữa Nhà nước, nhà trường, nhà doanh nghiệp, người sử dụng lao động, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội nghề nghiệp trong các hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên cơ sở hài hòa lợi ích và trách nhiệm xã hội; triển khai thực hiện

các mô hình gắn kết giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp và các trung tâm dịch vụ việc làm; đẩy mạnh hỗ trợ kỹ thuật cho doanh nghiệp, người sử dụng lao động thông qua nâng cao năng lực cung cấp thông tin về cung, cầu đào tạo nghề nghiệp; đẩy mạnh dự báo nhu cầu đào tạo nghề nghiệp; khai thác hiệu quả dữ liệu, thông tin thị trường lao động quốc gia; tăng cường các hoạt động khởi nghiệp, giải quyết việc làm, đưa lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực của tỉnh đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đào tạo lại để chuyển đổi nghề nghiệp cho người lao động; thúc đẩy mạnh mẽ phong trào thi kỹ năng nghề ở cấp tỉnh, cấp cơ sở, tham gia có chất lượng các kỳ thi kỹ năng nghề cấp quốc gia.

5. Nghiên cứu ứng dụng khoa học và chuyển giao công nghệ; hướng nghiệp, khởi nghiệp và đổi mới sáng tạo

Nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ quản lý, nhà giáo về nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ, tư vấn hướng nghiệp, khởi nghiệp; tăng cường nghiên cứu khoa học giáo dục nghề nghiệp theo hướng ứng dụng và chuyển giao công nghệ; đẩy mạnh thực hiện nghiên cứu khoa học theo cơ chế đặt hàng; gắn kết các tổ chức nghiên cứu khoa học với nhà trường và doanh nghiệp; đẩy mạnh hướng nghiệp trước, trong và sau đào tạo nghề nghiệp; thúc đẩy tinh thần khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo cho người học và các hoạt động hỗ trợ người học khởi nghiệp, tự tạo việc làm; tham gia tích cực không gian khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo trong các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và hệ sinh thái khởi nghiệp giáo dục nghề nghiệp.

6. Tăng cường huy động và nâng cao hiệu quả đầu tư tài chính cho giáo dục nghề nghiệp

Bố trí tăng ngân sách nhà nước cho giáo dục nghề nghiệp hằng năm; lồng ghép các nguồn vốn để thực hiện công tác đào tạo nghề trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, chương trình phát triển ngành, lĩnh vực của tỉnh; đa dạng hóa nguồn lực đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp, khuyến khích khu vực tư nhân tham gia giáo dục nghề nghiệp. Thúc đẩy sự hỗ trợ, tài trợ của các tổ chức quốc tế đầu tư cho giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh tự chủ đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập. Tăng cường nguồn thu sự nghiệp từ hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động liên doanh liên kết và cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

Ưu tiên đầu tư xây dựng cơ sở giáo dục nghề nghiệp chất lượng cao, cơ sở giáo dục nghề nghiệp chuyên biệt đào tạo cho người dân tộc thiểu số; ngân sách nhà nước hỗ trợ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp công lập của tỉnh để tăng cường các điều kiện bảo đảm chất lượng, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời hỗ trợ trực tiếp cho đối tượng chính sách và các đối tượng đặc thù khi sử dụng dịch vụ giáo dục nghề nghiệp; triển khai thực hiện cơ chế Nhà nước đầu thầu, đặt hàng, giao nhiệm vụ cung cấp dịch vụ sự nghiệp công về lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp.

7. Truyền thông, nâng cao hình ảnh, thương hiệu và giá trị xã hội của giáo dục nghề nghiệp

Tích cực hưởng ứng, tham gia hệ sinh thái truyền thông giáo dục nghề nghiệp với sự tham gia của hệ thống chính trị, chính quyền các cấp, cơ sở đào tạo,

người học, người sử dụng lao động và cộng đồng xã hội; đa dạng hóa các hoạt động truyền thông về giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, tư vấn giáo dục nghề nghiệp và định hướng phân luồng học sinh phổ thông; tổ chức và tham gia các chương trình, sự kiện nhằm tôn vinh người học, nhà giáo, người dạy nghề, cán bộ quản lý, người sử dụng lao động, lao động có kỹ năng, các tổ chức có nhiều thành tích, đóng góp cho hoạt động giáo dục nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề; định hướng các thông tin trên mạng xã hội bảo đảm thống nhất trong các hoạt động về giáo dục nghề nghiệp.

8. Đào tạo, đào tạo lại nâng cao kỹ năng nguồn nhân lực

Đánh giá, xác định nhu cầu đào tạo, đào tạo lại cho người lao động; xác định danh mục các ngành, nghề cần đào tạo, đào tạo lại trên địa bàn tỉnh; triển khai học liệu dùng chung cho các chương trình đào tạo để chia sẻ giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp gắn với thực hiện chuyển đổi số trong giáo dục nghề nghiệp; triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại; triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời cơ chế, chính sách về giáo dục nghề nghiệp cho người lao động; thực hiện đào tạo nghề nghiệp cho người lao động vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, mới thoát nghèo, người lao động có thu nhập thấp, người khuyết tật, lao động nông thôn, lao động nữ và các đối tượng đặc thù khác; triển khai các chương trình mục tiêu, đề án, dự án do Trung ương ban hành phù hợp với yêu cầu thực tiễn của tỉnh; tăng cường đào tạo các kỹ năng công nghệ thông tin cho người lao động.

9. Tăng cường thực hiện kiểm định chất lượng các cơ sở giáo dục nghề nghiệp

Tăng cường nhận thức về công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để cộng đồng xã hội hiểu và cùng hỗ trợ, tham gia thực hiện công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp; tổ chức bồi dưỡng đội ngũ làm công tác kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp để đảm bảo đủ năng lực tư vấn, giúp đỡ cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong các hoạt động tự đánh giá, đánh giá ngoài; các cơ sở giáo dục nghề nghiệp chủ động tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị đào tạo còn thiếu và các tiêu chí để hoàn thiện đạt tiêu chuẩn kiểm định chất lượng giáo dục nghề nghiệp. Phát triển 01 trường cao đẳng của tỉnh đạt các tiêu chí theo quy định để trở thành trường cao đẳng chất lượng cao vào năm 2025; nâng cao năng lực đào tạo của Trường Trung cấp Dân tộc nội trú tỉnh Thái Nguyên để đào tạo nghề chuyên biệt cho đối tượng là người dân tộc thiểu số và các đối tượng đặc thù khác.

10. Nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế về giáo dục nghề nghiệp

Mở rộng, nâng cao hiệu quả hợp tác với các tổ chức quốc tế, các tỉnh bạn ở nước ngoài trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; đẩy mạnh đàm phán, ký kết, triển khai các thỏa thuận, chương trình hợp tác với đối tác nước ngoài, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài đang hoạt động trên địa bàn tỉnh trong việc hỗ trợ cơ sở giáo dục nghề nghiệp, học sinh, sinh viên nâng cao kỹ năng nghề nghiệp; tích cực tham gia các cuộc thi, tổ chức, diễn đàn, hiệp hội có yếu tố nước ngoài về giáo dục nghề nghiệp, các hoạt động giao lưu văn hóa, thể dục thể thao giữa học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong nước, khu vực và quốc tế; tăng cường hợp tác và huy động, sử dụng hiệu quả các nguồn viện trợ phi Chính phủ trong

lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp; tích cực hợp tác giữa các cơ sở giáo dục nghề nghiệp của tỉnh với các cơ sở giáo dục nghề nghiệp nước ngoài, đặc biệt trong việc tiếp nhận chuyển giao chương trình, giáo trình, học liệu, phương pháp giảng dạy và học tập; trao đổi giáo viên, giảng viên, học sinh, sinh viên, chuyên gia quốc tế.

III. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Nguồn ngân sách nhà nước cấp hàng năm theo phân cấp ngân sách nhà nước hiện hành.

2. Nguồn vốn lồng ghép trong các Chương trình mục tiêu quốc gia, Chương trình, kế hoạch, dự án khác.

3. Nguồn thu từ học phí; thu từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ; hoạt động liên doanh, liên kết; cho thuê tài sản công theo quy định của pháp luật.

4. Huy động của các tổ chức, cá nhân trong, ngoài nước và các nguồn thu, quỹ hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết theo đúng quy định của pháp luật, định kỳ hằng năm báo cáo Hội đồng nhân dân tỉnh kết quả thực hiện.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Khóa XIV, Kỳ họp thứ bảy thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2022./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (Báo cáo);
- Chính phủ (Báo cáo);
- Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội (Báo cáo);
- Bộ Giáo dục và Đào tạo (Báo cáo);
- Thường trực Tỉnh ủy (Báo cáo);
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh Khóa XIV;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh;
- Kiểm toán nhà nước Khu vực X;
- Văn phòng: Tỉnh ủy; Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- TT HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Báo Thái Nguyên, Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND.

CHỦ TỊCH

Phạm Hoàng Sơn

